



PHỤ LỤC SỐ LIỆU

Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII, giai đoạn 2022 - 2026

(kèm theo Báo cáo số 08/BC-BCH ngày 16/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Hội LHPN Việt Nam)

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NGHỊ QUYẾT

Nội dung chỉ tiêu	Kết quả đạt được	So với chỉ tiêu
Chỉ tiêu 1: Hằng năm, mỗi cơ sở Hội ¹ duy trì thường xuyên ít nhất 1 loại hình hoạt động để vận động phụ nữ nâng cao kiến thức, trau dồi đạo đức, rèn luyện sức khỏe		
- Số Hội LHPN cấp cơ sở duy trì thường xuyên ít nhất 1 loại hình hoạt động/ Tổng số Hội LHPN cấp cơ sở	3.320/3.320 (100%)	Đạt chỉ tiêu
Chỉ tiêu 2: Hằng năm giúp 33.500 hộ có phụ nữ thoát nghèo, thoát cận nghèo; hỗ trợ nâng cao năng lực cho 17.000 phụ nữ là chủ doanh nghiệp, quản lý hợp tác xã, chủ hộ kinh doanh. Đến cuối nhiệm kỳ, vận động, hỗ trợ thành lập mới 350 hợp tác xã có phụ nữ tham gia quản lý		
- Số hộ có phụ nữ được Hội giúp thoát nghèo, thoát cận nghèo (tính bình quân hàng năm)	58.106	Vượt chỉ tiêu
- Số phụ nữ là chủ doanh nghiệp, quản lý hợp tác xã, chủ hộ kinh doanh được các cấp Hội hỗ trợ nâng cao năng lực hàng năm (tính bình quân hàng năm)	152.322	Vượt chỉ tiêu
- Số hợp tác xã có phụ nữ tham gia quản lý được Hội vận động, hỗ trợ thành lập mới (tính đến cuối nhiệm kỳ)	706	Vượt chỉ tiêu
Chỉ tiêu 3: Đến cuối nhiệm kỳ, các cấp Hội hỗ trợ 100% phụ nữ, trẻ em gái bị bạo lực gia đình, nạn nhân mua bán người trở về được phát hiện trong năm được các cấp Hội tư vấn hoặc hỗ trợ tiếp cận ít nhất một dịch vụ trợ giúp xã hội		
- Số phụ nữ, trẻ em gái bị bạo lực gia đình được hỗ trợ tiếp cận ít nhất 01 dịch vụ trợ giúp xã hội/Số được Hội phát hiện	1.758/1.758 (100%)	Đạt chỉ tiêu

¹ Trong các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội, chỉ tính đến Hội LHPN cấp cơ sở theo đơn vị hành chính (xã, phường, thị trấn).

Nội dung chỉ tiêu	Kết quả đạt được	So với chỉ tiêu
- Số phụ nữ, trẻ em gái là nạn nhân của mua bán người trở về được hỗ trợ tiếp cận ít nhất 01 dịch vụ trợ giúp xã hội/Số được Hội phát hiện	256/256 (100%)	Đạt chỉ tiêu
Chỉ tiêu 4: Hằng năm, mỗi cơ sở Hội vận động, hỗ trợ thêm 05 hộ gia đình đạt tiêu chí “gia đình 5 không, 3 sạch” hoặc “gia đình 5 có, 3 sạch”, phấn đấu cả nước giúp được thêm 55.000 hộ gia đình đạt 8 tiêu chí; mỗi cơ sở Hội đăng ký và thực hiện 01 công trình/phần việc góp phần xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh		
- Số Hội LHPN cấp cơ sở vận động, hỗ trợ thêm 5 hộ gia đình đạt tiêu chí “gia đình 5 không, 3 sạch” hoặc “gia đình 5 có, 3 sạch”/ Tổng số Hội LHPN cấp cơ sở	3.320/3.320 (100%)	Đạt chỉ tiêu
- Số hộ gia đình đạt 8 tiêu chí tăng thêm so với đầu nhiệm kỳ	604.837	Vượt chỉ tiêu
- Số Hội LHPN cấp cơ sở thực hiện ít nhất 1 công trình/phần việc	3.320/3.320 (100%)	Đạt chỉ tiêu
Chỉ tiêu 5: Đến cuối nhiệm kỳ, tăng thêm 800.000 hội viên; phấn đấu 100% cơ sở Hội tập hợp được trên 60% phụ nữ có mặt tại địa bàn		
- Số lượng hội viên mới tăng thêm so với đầu nhiệm kỳ	958.335	Vượt chỉ tiêu
- Số Hội LHPN cấp cơ sở có tỷ lệ tập hợp hội viên tại địa bàn đạt từ 60% trở lên/ Tổng số Hội LHPN cấp cơ sở	3.100/3.320 (93,37%)	Không đạt chỉ tiêu
Chỉ tiêu 6: Đến cuối nhiệm kỳ, 100% cán bộ Hội chuyên trách các cấp sử dụng thành thạo các phần mềm cơ bản trong công tác Hội; 100% chi hội trưởng được tập huấn nghiệp vụ công tác Hội		
- Số cán bộ Hội chuyên trách các cấp sử dụng thành thạo các phần mềm cơ bản trong công tác Hội/ Tổng số cán bộ Hội từng cấp	4.023/4.023 (100%)	Đạt chỉ tiêu
+ Cấp tỉnh	732/732	
+ Cấp cơ sở	3.291/3.291	

Nội dung chỉ tiêu	Kết quả đạt được	So với chỉ tiêu
- Số chi hội trưởng được tập huấn nghiệp vụ công tác Hội/ Tổng số chi hội trưởng	88.937/ 88.937 (100%)	Đạt chỉ tiêu
Chỉ tiêu 7: Hằng năm, Hội LHPN cấp Trung ương và cấp tỉnh chủ trì giám sát ít nhất 01 chính sách và phản biện xã hội ít nhất 02 dự thảo văn bản liên quan đến phụ nữ, trẻ em, gia đình, bình đẳng giới và tổ chức Hội; mỗi Hội LHPN cấp xã giám sát ít nhất 01 chính sách và góp ý ít nhất 01 dự thảo văn bản của cấp ủy, chính quyền		
- Số chính sách Trung ương Hội LHPN Việt Nam chủ trì giám sát	9	Vượt chỉ tiêu
- Số dự thảo văn bản liên quan đến phụ nữ, trẻ em, gia đình, bình đẳng giới và tổ chức Hội được Trung ương Hội LHPN Việt Nam phản biện xã hội	7	Vượt chỉ tiêu
- Số chính sách Hội LHPN cấp tỉnh chủ trì giám sát	378	Không đạt chỉ tiêu ²
- Số Hội LHPN cấp cơ sở giám sát ít nhất 1 chính sách/ Tổng số Hội LHPN cấp cơ sở	3.319/3.319 (100%)	Đạt chỉ tiêu ³
- Số dự thảo văn bản Hội LHPN cấp tỉnh chủ trì phản biện xã hội	235	Không đạt chỉ tiêu ⁴
- Số Hội LHPN cấp cơ sở góp ý ít nhất 01 văn bản của cấp ủy, chính quyền/ Tổng số Hội LHPN cấp cơ sở	3.320/3.320 (100%)	Đạt chỉ tiêu
Chỉ tiêu 8: Đến cuối nhiệm kỳ, Hội LHPN cấp Trung ương đề xuất thành công ít nhất 05 chính sách, đề án; Hội LHPN cấp tỉnh đề xuất thành công ít nhất 01 chính sách, đề án liên quan đến phụ nữ		
- Số chính sách, đề án được Hội LHPN cấp Trung ương đề xuất thành công	6/5 (120%)	Vượt chỉ tiêu
- Số chính sách, đề án liên quan đến phụ nữ được Hội LHPN cấp tỉnh đề xuất thành công	105	Vượt chỉ tiêu ⁵

² Một số tỉnh không đạt: Lai Châu, Cao Bằng, Quảng Trị.

³ Hội LHPN tỉnh Khánh Hoà có 1 cơ sở Hội là đặc khu Trường Sa là cơ sở Hội đặc thù, không thực hiện hoạt động giám sát.

⁴ Một số tỉnh không đạt: Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Tĩnh, Lâm Đồng, Đồng Nai, Đồng Tháp.

⁵ 100% đạt chỉ tiêu, trong đó có 26/34 tỉnh, thành đề xuất thành công trên 01 chính sách, đề án liên quan đến phụ nữ.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN HAI KHÂU ĐỘT PHÁ VÀ PHONG TRÀO THI ĐUA

Stt	Nội dung	Kết quả
1	Khâu đột phá “Tập trung xây dựng cơ sở Hội ⁶ vững mạnh”	
	- Số cơ sở Hội có mô hình 1+1	12.780
	- Số cơ sở Hội có mô hình 3 có, 3 biết	13.251
	- Số chi hội trưởng được kết nạp Đảng/ Số chi hội trưởng được Hội LHPN cấp cơ sở giới thiệu phát triển Đảng	12.854/ 17.151
	- Số chi hội trưởng được hỗ trợ phụ cấp hàng tháng/ Tổng số chi hội trưởng	82.492/ 88.937 (92,75%)
2	Khâu đột phá “Đổi mới phương thức hoạt động Hội, trọng tâm là ứng dụng công nghệ thông tin”	
	- Số tài liệu truyền thông được truyền tải trên Trang thông tin điện tử, kênh truyền thông điện tử và các nền tảng mạng xã hội chính thức của Hội LHPN cấp tỉnh	341.594
	- Tổng số vụ việc liên quan đến phụ nữ phản ánh qua Cổng/Trang thông tin điện tử của Hội LHPN tỉnh, thành	1.122
	- Số Hội LHPN cấp cơ sở ứng dụng các phần mềm triển khai trong hệ thống Hội/ Tổng số Hội LHPN cấp cơ sở	3.320/3.320 (100%)
	- Số Hội LHPN cấp cơ sở chưa được trang bị máy tính riêng có kết nối mạng/ Tổng số Hội LHPN cấp cơ sở	66/3.320
	- Số chi hội sử dụng mạng xã hội trong các hoạt động Hội/ Tổng số chi hội	82.605/ 88.937 (92,9%)
3	Phong trào thi đua “Xây dựng người Phụ nữ Việt Nam thời đại mới”	
	- Số lượt cán bộ, hội viên, phụ nữ được học tập, tuyên truyền, tập huấn về nội dung phong trào thi đua	40.497.988
	- Số hội viên, phụ nữ đạt danh hiệu “Phụ nữ tiêu biểu”	1.858.844
	- Số tập thể, cá nhân được khen thưởng trong thực hiện phong trào thi đua	162.502
	+ Số tập thể	44.027
	+ Số cá nhân	118.475
	- Số mô hình triển khai phong trào thi đua tại địa phương	42.430

⁶ Cơ sở Hội trong Khâu đột phá được hiểu là: Chi hội, Hội LHPN xã, phường, thị trấn và tương đương.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2022 - 2026

Nhiệm vụ 1: Hỗ trợ phụ nữ phát triển toàn diện, xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh

Bảng 01. Xây dựng người Phụ nữ Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, hội nhập quốc tế

Stt	Nội dung	Kết quả
1	Số cuộc tuyên truyền, giáo dục chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Nghị quyết Đại hội phụ nữ các cấp; giáo dục chính trị, giáo dục truyền thống, giáo dục về giá trị gia đình, nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng/Số lượt người tham gia	531.641/ 36.338.327
2	Số cuộc tuyên truyền nâng cao nhận thức về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số được tổ chức/phối hợp tổ chức tại cấp cơ sở Hội	41.127
3	Số cuộc tập huấn/bồi dưỡng nâng cao năng lực số (tham gia chính phủ số, kinh tế số, xã hội số) được tổ chức/phối hợp tổ chức tại cơ sở Hội	16.598
4	Số lượt hội viên, phụ nữ đã tham gia các hoạt động nâng cao năng lực chuyển đổi số do Hội LHPN các cấp triển khai	5.185.575
5	Số cơ sở Hội có hoạt động tôn vinh, tuyên truyền nhân rộng điển hình	3.320
	- Số điển hình tập thể	63.910
	- Số điển hình cá nhân	143.788
6	Số phụ nữ được Hội vận động tham gia bảo hiểm y tế	5.533.106

Bảng 02. Xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh; xây dựng môi trường an toàn cho phụ nữ, trẻ em

Stt	Nội dung	Kết quả
1	Hoạt động hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh	
	- Số cuộc, sự kiện truyền thông về giáo dục đời sống gia đình, nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng/Số lượt người tham gia	317.464/ 21.108.705

Stt	Nội dung	Kết quả
	- Số cuộc/hoạt động tập huấn, truyền thông về giáo dục trước hôn nhân cho nam nữ thanh niên/ Số lượt người tham gia	50.058/ 2.206.650
	- Số tài liệu/sản phẩm truyền thông về vun đắp giá trị gia đình được triển khai tuyên truyền đến hội viên, phụ nữ, cộng đồng	1.741.394
	- Số mô hình CLB hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc do Hội LHPN xây dựng, duy trì và nhân rộng	19.087
	+ Số mô hình Dịch vụ gia đình	1.600
	+ Số mô hình Giáo dục trước hôn nhân	875
	+ Số mô hình Giáo dục cha mẹ	3.396
	+ Số mô hình CLB xây dựng gia đình hạnh phúc	13.216
2	Bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của phụ nữ	
	- Số vụ vi phạm quyền, lợi ích của phụ nữ, trẻ em, Hội tham gia giải quyết	2.536
	- Số vụ được giải quyết (Hội lên tiếng trên báo chí, gửi văn bản đến cơ quan chức năng)	1.222
	- Số địa chỉ tin cậy ở cộng đồng	34.565
	- Số nạn nhân bị bạo lực gia đình được hỗ trợ từ địa chỉ tin cậy ở cộng đồng	1.345
	- Số lượt công dân được Hội tư vấn pháp luật	112.095
	- Số đơn thư Hội tư vấn, trả lời/ Tổng số đơn thư nhận được	3.174/4.238
	+ Cấp tỉnh	782
	+ Cấp xã	2.392
3	Chương trình “Mẹ đỡ đầu”	
	- Số Mẹ đỡ đầu trực tiếp ở tại địa bàn (Mẹ ở gần)	20.989
	- Số Mẹ đỡ đầu gián tiếp (Mẹ đỡ đầu từ xa)	14.320
	- Tổng số trẻ mồ côi trên địa bàn được nhận đỡ đầu	48.021

Stt	Nội dung	Kết quả
	- Tổng số tiền vận động được (bao gồm cả quà quy ra tiền)	657,3 tỷ đồng
	+ Tổng số tiền mặt	481,26 tỷ đồng
	+ Giá trị quà quy đổi bằng tiền	176,04 tỷ đồng
	- Số Mẹ đỡ đầu/người chăm sóc thay thế được Hội tập huấn/kết nối đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng chăm sóc, nuôi dạy trẻ	7.890
4	Chương trình “Đồng hành cùng Phụ nữ biên cương”	
	- Tổng số tiền vận động được	294 tỷ đồng
	- Tổng số mô hình sinh kế được hỗ trợ củng cố/thành lập mới	1.022
5	Hoạt động nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa	
	- Số tiền huy động, vận động xây dựng Mái ấm tình thương trong kỳ báo cáo	656,47 tỷ đồng
	+ Số Mái ấm tình thương được xây dựng mới	11.479
	+ Số Mái ấm tình thương được sửa chữa	4.306
	- Tổng giá trị tiền, quà ủng hộ “Ngày vì người nghèo”	205,95 tỷ đồng
	- Tổng giá trị tiền ủng hộ đồng bào bị thiên tai, hoạn nạn, bão lũ...	498,79 tỷ đồng
	+ Số hộ bị ảnh hưởng thiên tai lũ lụt được Hội hỗ trợ	188.868
	- Tổng giá trị tiền, quà giúp gia đình chính sách (Mẹ VNAH, gia đình TBLS)	296,93 tỷ đồng
	+ Số Mẹ VNAH được hỗ trợ	2.369
	+ Số gia đình TBLS được hỗ trợ	122.872
	- Tổng giá trị tiền, quà Tiếp bước cho em đến trường/khuyến học tặng cho học sinh nghèo vượt khó	531,31 tỷ đồng
	+ Số học sinh được hỗ trợ, nhận quà tiếp bước/khuyến học	696.346
	- Tổng giá trị tiền, quà thực hiện các hoạt động khác	791,17 tỷ đồng

Stt	Nội dung	Kết quả
6	Số phụ nữ yếu thế (phụ nữ nghèo, phụ nữ khuyết tật, phụ nữ có HIV/AIDS, phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ cao tuổi) được Hội hỗ trợ	983.997
	- Trong đó, số phụ nữ khuyết tật	196.463
7	Công tác tuyên truyền vận động xây dựng gia đình có trách nhiệm thực hiện an toàn giao thông	
	- Số cuộc truyền thông, tập huấn được tổ chức/ Tổng số lượt người tham gia	119.014/ 5.880.153
8	Công tác tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm chất lượng, an toàn	
	- Số cuộc truyền thông, tập huấn được tổ chức/ Tổng số lượt người tham gia	126.881/ 5.334.707
	- Số cơ sở sản xuất do phụ nữ tham gia quản lý, được Hội hỗ trợ thành lập ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn	47.125
9	Công tác tuyên truyền, vận động bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu	
	- Số cuộc truyền thông, tập huấn được tổ chức/ Tổng số lượt người tham gia	142.631/ 12.402.470
	- Số cơ sở Hội có mô hình tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường	4.546
	+ Số hộ gia đình được Hội hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh	821.309
	+ Số hộ gia đình được Hội hỗ trợ sử dụng nước sạch	1.440.892
	- Số lượng cây xanh trồng mới	47.076.426

Bảng 03. Hỗ trợ nâng cao quyền năng kinh tế của phụ nữ

Stt	Nội dung	Kết quả
1	Hỗ trợ tạo việc làm cho lao động nữ	
	- Số lao động nữ được Hội giới thiệu việc làm	567.028
	- Số lao động nữ được tạo việc làm từ các hợp tác xã do Hội hỗ trợ thành lập mới	31.787

Stt	Nội dung	Kết quả
	- Số tổ hợp tác có phụ nữ tham gia quản lý được Hội hỗ trợ thành lập mới	3.486
	+ Số thành viên nữ	22.489
	+ Số lao động nữ	29.737
2	Hoạt động hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác	
	- Số hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý được Hội kết nối vay vốn từ các nguồn (Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã, ngân hàng...)	957
	- Tổng số vốn cho hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý vay do Hội hỗ trợ kết nối	181,15 tỷ đồng
	- Số hợp tác xã/Tổ hợp tác do phụ nữ tham gia quản lý được Hội hỗ trợ/kết nối nguồn lực, kỹ thuật, sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh	3.038
	- Số hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ nhóm sinh kế có phụ nữ DTTS quản lý thuộc địa bàn Dự án 8 được Hội hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất và kết nối thị trường	334
3	Hoạt động ủy thác cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác (phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội)	
	- Số cuộc tuyên truyền về tín dụng chính sách xã hội	140.637
	- Công tác tập huấn nghiệp vụ ủy thác NHCSXH	
	+ Tổng số cán bộ Hội cấp tỉnh phụ trách công tác ủy thác được tập huấn/ tổng số cán bộ phụ trách công tác ủy thác	224/260
	+ Số cán bộ Hội cấp xã được tập huấn	39.477
4	Hoạt động chương trình phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
	- Số cuộc tuyên truyền về tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn	25.389
	- Số cuộc tập huấn nghiệp vụ ủy thác Ngân hàng	

Stt	Nội dung	Kết quả
	<i>Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>	2.346
5	Hoạt động đào tạo nghề	
	- <i>Tổng số lao động nữ được Hội phối hợp tổ chức hoặc giới thiệu tham gia các lớp đào tạo nghề</i>	717.774

Nhiệm vụ 2: Tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị; chú trọng giám sát, phản biện xã hội; vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới

Bảng 04. Tuyên truyền, vận động hội viên, phụ nữ thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hành dân chủ cơ sở, thực hiện hiệu quả chức năng đại diện của tổ chức Hội; Vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới

Stt	Nội dung	Kết quả
1	Số cuộc tổ chức “Ngày Phụ nữ với Pháp luật” hưởng ứng Ngày pháp luật Việt Nam	67.382
2	Số cuộc tổ chức đối thoại chính sách, đối thoại với người đứng đầu cấp ủy, chính quyền do Hội tham mưu	9.422
	- <i>Cấp tỉnh</i>	173
	- <i>Cấp xã</i>	8.982
3	Số phụ nữ được tập huấn, trang bị kiến thức về bình đẳng giới	5.911.466
4	Số cán bộ nữ được bổ nhiệm lần đầu, nữ lần đầu tham gia đại biểu dân cử, cán bộ nữ trẻ được tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng	34.651
5	Số cán bộ nữ được bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và kỹ năng lồng ghép giới	85.859
6	Tổng số quần chúng nữ ưu tú được Hội phối hợp giới thiệu kết nạp Đảng	94.799
	- <i>Số phụ nữ được kết nạp</i>	60.877
7	Hoạt động Dự án 8	
	- <i>Số Câu lạc bộ “Thủ lĩnh của sự thay đổi” được thành lập</i>	2.026

Stt	Nội dung	Kết quả
	- Số cán bộ nữ DTTS được tập huấn nâng cao năng lực	4.164
	- Số chính sách hỗ trợ phụ nữ, trẻ em vùng đồng bào DTTS và miền núi	1
8	Vận động nguồn lực từ các chương trình, đề án và chương trình phối hợp	
	- Tổng nguồn lực NSNN cấp từ các chương trình, đề án và chương trình phối hợp	518,77 tỷ đồng
	- Tổng nguồn lực vận động được từ xã hội hoá để triển khai hoạt động Hội	216,46 tỷ đồng

Nhiệm vụ 3: Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả, hội nhập quốc tế

Bảng 05. Phát triển mạng lưới, thu hút hội viên, thành viên

Stt	Nội dung	Kết quả
1	Tổng số phụ nữ từ 18 tuổi trở lên có mặt tại địa bàn tại thời điểm báo cáo	23.434.889
2	Tổng số Hội viên	20.140.570
3	Tổng số chi hội	88.937
	- Số chi hội đặc thù trực thuộc cấp Hội cơ sở, tỉnh	1.921
4	Tổng số Tổ phụ nữ	117.887
	- Tổng số CLB, tổ, nhóm tập hợp hội viên/phụ nữ trên không gian mạng	32.232
5	Tổng số hội viên danh dự	58.475
6	Tổ chức thành viên	
	- Tổng số hội viên của Hội Nữ Trí thức	5.778
	+ Số hội viên phát triển mới	713
	- Tổng số hội viên của Hiệp hội Nữ Doanh nhân	9.671
	+ Số hội viên phát triển mới	838

Bảng 06. Nâng cao chất lượng cán bộ, kiện toàn bộ máy tổ chức Hội các cấp; nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành bộ máy cơ quan chuyên trách và hệ thống Hội

Stt	Nội dung	Kết quả
1	Số cán bộ các cấp đạt chuẩn chức danh/tổng số cán bộ	100%
2	Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội, công tác xã hội	
	- Số lớp tập huấn, bồi dưỡng	6.639
	- Tổng số cán bộ được tập huấn, bồi dưỡng	115.674
	+ Số cán bộ chuyên trách các cấp	13.253
	+ Phó Chủ tịch Hội LHPN cơ sở	12.985
	+ Chi hội trưởng	88.937
3	Điều động, luân chuyển cán bộ Hội chuyên trách các cấp	
	- Tổng số cán bộ Hội được điều động, luân chuyển đi	2.123
	- Tổng số cán bộ được điều động, luân chuyển đến Hội	1.444
4	Công tác kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và thi hành kỷ luật trong nội bộ tổ chức Hội	
4.1	Công tác kiểm tra	
	- Tổng số đoàn kiểm tra	40.370
	+ Tổng số đoàn kiểm tra thường xuyên	27.634
	Cấp tỉnh	1.120
	Cấp xã	26.514
	+ Tổng số đoàn kiểm tra chuyên đề	12.482
	Cấp tỉnh	586
	Cấp xã	11.896
	+ Tổng số đoàn kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm	254
	Cấp tỉnh	18
	Cấp xã	236
	- Tổng số chi được kiểm tra	70.957
4.2	Công tác khiếu nại, tố cáo	
	- Tổng số đơn thư nhận được	3.545
	- Số đơn thư Hội trực tiếp giải quyết	831

Stt	Nội dung	Kết quả
	- Số đơn thư chuyển cơ quan chức năng	2.382
	- Số đơn thư xếp lưu theo quy định	332
4.3	<i>Số cán bộ Hội bị kỷ luật</i>	76
	- Hình thức khiển trách	45
	- Hình thức cảnh cáo	13
	- Hình thức cách chức	18
4.4	<i>Số tổ chức Hội bị kỷ luật</i>	0

Bảng 07. Nâng cao vị thế, mở rộng ảnh hưởng của tổ chức Hội trong quan hệ đối ngoại

Stt	Nội dung	Kết quả
1	<i>Số văn bản, thỏa thuận hợp tác với đối tác nước ngoài được kí kết (gồm thỏa thuận về hợp tác, hữu nghị, thực hiện dự án...)</i>	108
	+ <i>Số văn bản thỏa thuận hợp tác với các tổ chức phụ nữ được kí kết</i>	84
	+ <i>Số hoạt động trao đổi đoàn, giao lưu, hợp tác với các tổ chức phụ nữ thuộc 3 nước láng giềng</i>	124
	+ <i>Số đơn vị kết nghĩa với các tổ chức phụ nữ nước ngoài</i>	139
	<i>Cấp tỉnh</i>	17
	<i>Cấp xã</i>	122
2	Kết quả thực hiện Nghị quyết về Hỗ trợ Phụ nữ hội nhập quốc tế đến năm 2030	
	- <i>Số văn bản, chương trình, kế hoạch triển khai, cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết</i>	517
	- <i>Số hoạt động/mô hình hỗ trợ phụ nữ hội nhập quốc tế (không trùng với các mô hình của các nhiệm vụ khác)</i>	252
3	Tuyên truyền và tập huấn về công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế	
	- <i>Số cuộc tập huấn</i>	99.686
	- <i>Số lượt người được tập huấn</i>	1.597.562
4	Số phụ nữ được bảo vệ quyền, lợi ích trong quan hệ có yếu tố nước ngoài	2.180

V. THÀNH TÍCH CỦA CÁN BỘ, HỘI VIÊN, PHỤ NỮ VIỆT NAM ĐƯỢC KHEN THƯỞNG THÔNG QUA ĐỀ XUẤT CỦA TỔ CHỨC HỘI

Bảng 08. Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho tập thể, cá nhân Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam giai đoạn 2022 - 2026

Stt	Nội dung	Tập thể	Cá nhân
1	Huân chương Độc lập các hạng	3	4
2	Huân chương Lao động các hạng	10	69
3	Huân chương Bảo vệ Tổ quốc	1	-
4	Cờ thi đua Chính phủ	4	-
5	Bằng khen Thủ tướng Chính phủ	6	4

Bảng 09. Khen thưởng của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cho tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong thực hiện Phong trào thi đua giai đoạn 2022 - 2026

Stt	Nội dung	Tập thể	Cá nhân
1	Cờ thi đua của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam	99	-
2	Bằng khen của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam	7.464	4.886
	- Định kỳ hằng năm	6.954	3.611
	- Chuyên đề, đột xuất	510	1.275
3	Kỷ niệm chương “Vì sự phát triển của phụ nữ Việt Nam”	-	19.076
4	Giải thưởng Nguyễn Thị Định	-	30

Bảng 10. Kết quả thi đua của tập thể, cán bộ, hội viên, phụ nữ thuộc Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp

Stt	Thành tích	Số lượng được khen thưởng					
		Tập thể Hội LHPN			Cán bộ Hội	Hội viên	Phụ nữ
		Cấp tỉnh	Cấp huyện ⁷	Cấp xã			
1	Cờ Thi đua của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam	91	-	-	-	-	-
2	Bằng khen của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam	318	750	4.412	1.963	1.191	71
3	Cờ thi đua của UBND tỉnh, thành phố	40	39	2	-	-	-
4	Bằng khen của UBND tỉnh, thành phố	608	656	1.091	1.941	605	147
5	Bằng khen/Giấy khen của các sở, ban ngành	242	467	1.145	1.572	793	26
6	Giấy khen của UBND cấp huyện	-	2.208	5.081	-	-	-
7	Giấy khen của UBND cấp xã	-	-	11.062	15.744	17.779	1.944
8	Bằng khen của Hội LHPN cấp tỉnh	-	1.986	8.155	11.425	4.491	1.241
9	Giấy khen của Hội LHPN cấp huyện	-	-	16.229	-	11.280	1.865
10	Giấy khen của Hội LHPN cấp xã	-	-	-	15.152	19.140	4.759
11	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh	-	-	-	258	20	4
12	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	-	-	-	2.814	224	12
13	Danh hiệu, giải thưởng khác	64	48	94	2.492	1.153	179

⁷ Số liệu khen thưởng đối với cấp huyện được tính đến ngày 30/6/2025.